

Bản án số: 236/2024/HNGĐ-ST

Ngày 06 – 9 – 2024

Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Hoàng Khởi.

- Ông Võ Sĩ Hùng.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Trần Thúy Kiều, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 451/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 289/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Ông Hà Quang T, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm M, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hà Quang T chung sống vợ chồng vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, không có sự chia sẻ, cảm thông với nhau và vợ chồng đã ly thân hơn 02 năm. Nay chị xét thấy cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình cảm nên chị yêu cầu ly hôn anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hà Nguyễn Như Ng, sinh ngày 17/11/2012; Nguyễn Phú Q, sinh ngày 05/7/2019, hiện 02 cháu đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không đặt ra cấp dưỡng.

Tài sản chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị khai không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

- Tại bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, anh Hà Quang T trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian, điều kiện và nơi đăng ký kết hôn đúng như chị N trình bày. Quá trình chung sống do công việc thường xuyên xa nhà nên chị N có tính ghen tuông, cho rằng anh có người khác, từ đó vợ chồng mâu thuẫn ngày càng cao. Nay chị N xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hà Nguyễn Như Ng, sinh ngày 17/11/2012; Nguyễn Phú Q, sinh ngày 05/7/2019, hiện 02 cháu đang sống với chị N. Khi ly hôn, anh đồng ý giao 02 con chung cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng.

Tài sản chung: Anh xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh khai không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N, anh Hà Quang T có yêu cầu xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Hà Quang T chung sống vợ chồng vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tại số 173, quyển số 01/2011 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận bảo vệ. Trong quá trình chung sống theo chị N xác định thời gian đầu hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, không có sự chia sẻ, cảm thông với nhau và vợ chồng đã ly thân hơn 02 năm. Nay chị xét thấy cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình cảm nên chị yêu cầu ly hôn anh T. Đối với anh T cho rằng do công việc thường xuyên xa nhà nên chị N có tính ghen tuông, cho rằng anh có người khác, từ đó vợ chồng mâu thuẫn ngày càng cao. Nay chị N xin ly hôn anh đồng ý. Xét thấy, anh chị có xảy ra mâu thuẫn nay chị N xin ly hôn và được anh T đồng ý, vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận yêu cầu của các đương sự, cho chị được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Anh chị xác định có 02 con chung tên Hà Nguyễn Như Ng, sinh ngày 17/11/2012; Nguyễn Phú Q, sinh ngày 05/7/2019. Khi ly hôn, anh T, chị N thống nhất giao 02 cháu Ng và Q cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện 02 cháu Ng và Q đang sống với chị N, anh chị thống nhất giao 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng, nguyện vọng cháu Ng cũng muốn sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn và tránh xáo trộn cuộc sống sinh hoạt nên Hội đồng xét xử thống nhất giao 02 cháu Ng và Q cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị N xác định không có, anh T xác định tự thỏa thuận và cả hai anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét;

[6] Về nợ chung: Chị N, anh T khai vợ, chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng nên không đặt ra giải quyết.

[7] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N về việc xin ly hôn anh Hà Quang T.

- Về con chung: Giao 02 cháu Hà Nguyễn Như Ng, sinh ngày 17/11/2012; Nguyễn Phú Q, sinh ngày 05/7/2019 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Hà Quang T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ. Ngày 29 tháng 7 năm 2024, chị N đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0009143 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đổi trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lê Thị Thu**